

Medium

DOLCE81 S3

Giày an toàn v ự ớ c **kéo khu** vự c **và tripguard**
ế a DOLCE81 ng đủ ó gót chân SR, c h ố n g nư khả năng hấp thụ năng l ư ợn g ở gót chân và khả năng ch ố n g đâm thủn g SJ Flex. Các chứ c năng hấp thụ c hiệ n các t ư th ế và bảo v ệ kh ỏi tia l ửa tĩnh điệ n khiến nó h oạt trong nhiều ngành công n ghiệ p khác nhau.

Những vật liệu cao cấp hơn	Da Nappa Action
lót bên trong	i tái chế lưới
trong Đ	êm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)
iữa đế g	Thép
ngoài Đ	PU/Cao su
u Đứng đầ	Thép
i Loạ	S3 / SRC
Phạm vi kích thước	EU 35-48 / UK 3.0-13.0 / US 3.0-13.5 JPN 21.5-31.5 / KOR 230-315
ng lượng thép	0.665 kg
ẩn hiệu chu	ASTM F2413:2018 EN ISO 20345:2011

CO_2
9.46 kg



BLK

WPA SHOES FOR CREWS NESKRID



SJ Flex
Vật liệu chống đâm thủng không và dẻo kim thép. Vật liệu không Bao phủ 100% cùng mặt củ



Giày Cho Thủy Thủ **Đoàn**
Giày an toàn và ủng Shoes For Crews có độ bám trên nhiều bề mặt nhẵn và nhiều tính năng khác.



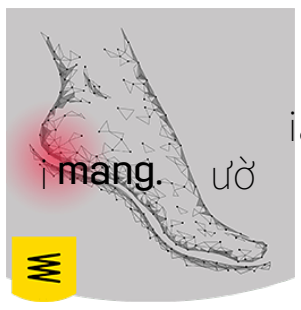
SRC
Đ là một trong những tính năng an toàn và giày bảo hộ. Chống trượt qua cả bài SRA và SRB, chúng được kiểm tra trên cả bề mặt thép và gốm.



& nhiên dầu
ế ngoài có khả năng và nhiên liệu.



Mặt **trên** chống nước **(WRU)**
Ngăn nước thấm không tiếp xúc lâu dài lượng



hấp thụ **gót chân**
Sự hấp thụ năng lượng ở gót chân đệm nhảy hoặc chạy lên cơ thể ng mang. ườ

SAFETY JOGGER WORKS

HEAD-TO-TOE PROTECTION

ENGINEERED IN EUROPE
www.safetyjogger.com

Công nghiệp **n:**
lĩnh vự c ô tô, phục vụ ăn uố n g, Hoá h oạch , Xây dự n g, Thự c phẩm & Dầu khi, Ngành công n ghiệ p

ường: **Môi** t
rư ờn g ẩm, Bề mặt cự c mịn, môi trường ẩm ướt

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằng phương pháp cách ly Không trên lò s

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20345**	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
Nhữ n g vật l iệu **Da Nappa Action** **cao** cấp h ơn						
	Top: khả năng thấm hút ẩm ớ	? 0.8	4.5		iờ	mg/cm/g
	Top: h i nư ớc số ớ	? 15	48			mg/cm2
ót bên trong	i **tái** ch ế ớ					
	L ớp lót: thấm hút ẩm ớ	? 2	69.4		iờ	mg/cm/g
	lót: h i nư ớc số ớ	? 20	555.4			mg/cm2
rong	Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)					
	ệ m chân: Đ ch ố n g mài mòn (khô/ ư ớt) (chu kỳ)	25600/12800	25600/12800			chu kỳ
goài	Đ **PU/Cao su**					
	Ch ố n g trơn trượt ế ngoài (mài mòn)	? 150	130			mm
	a đế ngoài SRA- gót chân	? 0.28	0.39			ma sát
	a đế ngoài SRA- Phẳ t g	? 0.32	0.37			ma sát
	a đế ngoài SRB- gót chân	? 0.13	0.29			ma sát
	ế ngoài SRB- phẳ g	? 0.18	0.34			ma sát
	Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000	35.9			megaohm
	Giá t	0.1 - 100	N/A			megaohm
	Hấp thụ năng l ợ g ót chân ủ	? 20	25			J
Đ ứ n g đầ	**Thép**					
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A	N/A			mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A	N/A			mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14	16.5			mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14	15.5			mm

kích thước thép: 42

a chúng tôi không có thể có và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
i **CO** **phát** thả					
	V ật l iệu		7.11		kg
	Bao bì		0.20		kg
	ất Sản x u		1.90		kg
	Chuyên ch ở		0.26		kg
			9.46 kg CO2/ cặp		

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	K u	q
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế				
	Product		7%	
	Bao bì		18%	

Tính toán CO2:
rị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán [illegible] Giầy đối.